

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Q
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2020/KDTM-ST
Ngày: 22 -9-2020
“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Bích Hợp
2. Bà Nguyễn Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hạnh - Là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Q.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, tỉnh B tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hoàng Phượng - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2018/TLST- KDTM ngày 15 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp “ Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2019/QĐXXST-KDTM ngày 02 tháng 5 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 40/2019/QĐST-KDTM ngày 21/5/2019, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 51/2019/QĐST-KDTM ngày 14/6/2019 và số 83/2020/QĐST-KDTM ngày 24/7/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Việt Nam T (VPBank)

Địa chỉ: 89 Láng H, phường L, Quận Đ, TP. H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Thanh T – Chuyên viên xử lý nợ (có mặt).

(Theo văn bản ủy quyền ngày 21/4/2020).

Bị đơn: Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải hàng hóa N

Địa chỉ: 134/8 Hoàng Văn T, TP. Q, tỉnh B

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trương Ngọc T - Giám đốc Công ty (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Trương Ngọc T, sinh năm: 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 27, khu vực 5, phường H, thành phố Q, tỉnh B.
- Ông Nguyễn Tiến D, sinh năm: 1969 (có đơn xin vắng mặt)
Địa chỉ: Tổ 46, khu vực 9, phường Đ, thành phố Q, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Ngân hàng TMCP Việt Nam T – Người đại diện theo ủy quyền ông Phan Thanh T trình bày: Ngày 03/11/2016 giữa Ngân hàng TMCP Việt Nam T (gọi tắt là VPBank) và Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải hàng hóa N (gọi tắt là Công ty N) có ký hợp đồng tín dụng số: SME/BDH/16/0101/HDTD-01 vay 500.000.000đồng, lãi suất 22.85%/năm, điều chỉnh 03 tháng/lần, mục đích vay là bổ sung vốn kinh doanh. Thời hạn vay 36 tháng. Để bảo đảm cho khoản vay trên, VPBank và các bên đã thống nhất áp dụng biện pháp bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang bằng toàn bộ tài sản cá nhân của ông Trương Ngọc T và ông Nguyễn Tiến D theo Hợp đồng bảo lãnh số: SME/BDH/16/0101/HDBL ngày 03/11/2016 được ký kết giữa VPBank với ông Trương Ngọc T và ông Nguyễn Tiến D.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tính đến ngày 14/8/2020, Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải hàng hóa N đã trả 500.000.000đồng tiền gốc và 77.987.052đồng tiền lãi. Như vậy Công ty N còn nợ VPBank 349.190.680đồng tiền lãi (trong đó nợ lãi trong hạn là 3.855.889đồng, nợ lãi quá hạn là 344.185.522đồng và lãi chậm trả là 1.149.269đồng).

Nay Ngân hàng TMCP Việt Nam T yêu cầu Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải hàng hóa N phải có nghĩa vụ trả 349.190.680đồng về khoản tiền lãi.

Trường hợp Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải hàng hóa N không trả nợ cho VPBank thì VPBank yêu cầu ông Trương Ngọc T phải trả toàn bộ khoản nợ của Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải hàng hóa N theo hợp đồng bảo lãnh số: SME/BDH/16/0101/HDBL ngày 03/11/2016 đã ký kết. Ngoài ra VPBank xin rút không yêu cầu ông Nguyễn Tiến D trả nợ thay cho Công ty N.

- Bị đơn Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải hàng hóa N - Người đại diện theo pháp luật: Ông Trương Ngọc T - Giám đốc Công ty và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Ngọc T, Tòa đã tổng đạt hợp lệ nhưng ông T vắng mặt không có lý do.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tiến D trình bày: Nguyên trước đây ông là thành viên Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải hàng hóa N do ông Trương Ngọc T làm giám đốc công ty. Sau một thời gian khoảng 08 tháng thì ông xin rút không còn là thành viên Công ty nữa. Kể từ đó đến nay ông không nhận được thông báo gì của Ngân hàng về việc Công ty N vay tiền Ngân hàng. Việc Công ty N vay tiền của Ngân hàng TMCP Việt Nam T là do ông Trương Ngọc T làm giám đốc Công ty đứng ra vay. Ông khẳng định là chữ ký và chữ viết trong hợp đồng bảo lãnh không phải là chữ ký và chữ viết của ông. Nay ông đề nghị Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tiến D đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải hàng hóa N do ông Trương Ngọc T làm giám đốc công ty và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trương Ngọc T không chấp hành theo giấy triệu tập của tòa.

Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Việt Nam T. Buộc Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải hàng hóa N phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T 349.190.680đồng về khoản tiền lãi.

- Trường hợp Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải hàng hóa N không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T thì ông Trương Ngọc T có nghĩa vụ trả nợ thay theo hợp đồng bảo lãnh.

- Về án phí KDTM sơ thẩm: Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải hàng hóa N phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải hàng hóa N do ông Trương Ngọc T làm giám đốc công ty - là bị đơn và ông Trương Ngọc T - là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án vắng mặt. Còn ông Nguyễn Tiến D có đơn xin vắng mặt. Theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Ngày 03/11/2016 giữa Ngân hàng TMCP Việt Nam T (gọi tắt là VPBank) và Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải hàng hóa N có ký hợp đồng tín dụng số: SME/BDH/16/0101/HDTD-01 vay 500.000.000đồng, lãi suất 22.85%/năm, mục đích vay là bổ sung vốn kinh doanh. Thời hạn vay 36 tháng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải hàng hóa N đã trả tính đến ngày 14/8/2020 là 500.000.000đồng tiền gốc và 77.987.052đồng tiền lãi. Như vậy Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải hàng hóa N còn nợ VPBank 349.190.680đồng về khoản tiền lãi (trong đó nợ lãi trong hạn là 3.855.889đồng, nợ lãi quá hạn là 344.185.522đồng và lãi chậm trả là 1.149.269đồng).

Nay Ngân hàng TMCP Việt Nam T yêu cầu Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải hàng hóa N phải có nghĩa vụ trả 349.190.680đồng về khoản tiền lãi.

Trường hợp Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải hàng hóa N không trả nợ cho VPBank thì VPBank yêu cầu ông Trương Ngọc T phải trả theo hợp đồng bảo lãnh số: SME/BDH/16/0101/HDBL ngày 03/11/2016 mà hai bên đã ký kết.

Xét thấy: Trong quá trình thực hiện hợp đồng Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải hàng hóa N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận trong hợp đồng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Nay Ngân hàng TMCP Việt Nam T yêu cầu Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải hàng hóa N phải có nghĩa vụ trả 349.190.680đồng về khoản tiền lãi (trong đó nợ lãi trong hạn là 3.855.889đồng, nợ lãi quá hạn là 344.185.522đồng và lãi chậm trả là 1.149.269đồng) là có căn cứ và phù hợp quy định tại các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng nên được HĐXX chấp nhận.

Tại phiên tòa đại diện Ngân hàng TMCP Việt Nam T yêu cầu nếu Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải hàng hóa N không trả nợ cho VPBank thì VPBank yêu cầu ông Trương Ngọc T phải trả toàn bộ khoản nợ của Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải hàng hóa N theo hợp đồng bảo lãnh số: SME/BDH/16/0101/HDBL ngày 03/11/2016. Xét thấy: Theo lời khai của ông Nguyễn Tiến D cho rằng ông không có ký vào hợp đồng bảo lãnh vì ông đã rút vốn khỏi Công ty. Chữ ký và chữ viết trong hợp đồng bảo lãnh không phải là chữ ký và chữ viết của ông. Tại Kết luận giám định số: 587/C09C(Đ2) ngày 23/6/2020 của Phân viện KHHS tại Thành Phố Đà Nẵng kết luận chữ ký, chữ viết ghi tên Nguyễn Tiến D dưới mục “BÊN BẢO LÃNH” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A với chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Tiến D trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3, M4, M5 là không phải do cùng một người ký và viết ra. Hơn nữa tại phiên tòa Ngân hàng TMCP Việt Nam T chỉ yêu cầu ông Trương Ngọc T có nghĩa vụ trả nợ thay theo hợp đồng bảo lãnh, không yêu cầu ông Nguyễn Tiến D trả theo nghĩa vụ bảo lãnh là có căn cứ và phù hợp với quy định tại các Điều 335, 336, 339, 340, 342, 463, 688 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên được HĐXX chấp nhận.

Về chi phí giám định: Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải hàng hóa N tự nguyện hoàn trả lại cho ông Nguyễn Tiến D 5.000.000đồng (đã trả xong).

Về án phí : Công ty TNHH Dịch vụ vận tải N phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Các Điều 335, 336, 339, 340, 342, 463, 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử :

1. Buộc Công ty TNHH Dịch vụ vận tải hàng hóa N phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T 349.190.680đồng (Ba trăm bốn mươi chín triệu, một trăm chín mươi nghìn, sáu trăm tám mươi đồng) về khoản tiền lãi (trong đó nợ lãi trong hạn là 3.855.889đồng, nợ lãi quá hạn là 344.185.522đồng và lãi chậm trả là 1.149.269đồng).

2. Trường hợp Công ty TNHH Dịch vụ vận tải hàng hóa N không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP Việt Nam T có quyền yêu cầu ông Trương Ngọc T trả nợ thay theo hợp đồng bảo lãnh số: SME/BDH/16/0101/HĐBL ngày 03/11/2016 mà hai bên đã ký kết.

3. Về chi phí giám định: Công ty TNHH Dịch vụ vận tải hàng hóa N tự nguyện hoàn trả lại cho ông Nguyễn Tiến D 5.000.000đồng (đã trả xong).

4. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty TNHH Dịch vụ vận tải hàng hóa N **phải nộp: 17.460.000đồng.**

- Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T 11.000.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000180 ngày 15/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q.

6. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSNDTp.Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hương